

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP III – PETROLIMEX

2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08/6/1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành lập Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302536580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11/7/2022 về việc thay đổi thông tin trên thẻ căn cước công dân của người đại diện pháp luật Công ty.

Tên Công ty viết tắt: PENJICO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302536580 thay đổi lần thứ 18 ngày 11/7/2022 là 50.000.000.000 VND (Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã giao dịch: PEN.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hồng Kỳ	Thành viên
Ông Nguyễn Sum	Thành viên
Ông Nguyễn Huy Nhân	Thành viên
Ông Đào Quốc Hưng	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng ban
Ông Vũ Cường	Thành viên
Ông Ngô Hồng Phi	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Giám đốc
Ông Dương Minh Trí	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Thanh

Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số: 140/2023/BCSX-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex được lập ngày 14/8/2023, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2023, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

10
3
4
17
VII
18

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đến các thuyết minh sau trong Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

- Thuyết minh số 7.1 đề cập đến nghĩa vụ nợ tiềm tàng phát sinh từ các vụ kiện chủ yếu diễn ra trong kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 mà Công ty Cổ phần Xây lắp III - Petrolimex là nguyên đơn và bị đơn.
- Thuyết minh số 7.3 đề cập đến thông tin về giá trị đầu tư bổ sung vào dự án hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sông Châu với số tiền là 700.000.000 VND. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Hội đồng Quản trị Công ty chưa ban hành Quyết định phê duyệt việc đầu tư bổ sung này.

Kết luận của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty đã được soát xét bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần ngày 08/8/2022.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty cũng đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần ngày 20/3/2023.



Nguyễn Thị Mai Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 06/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

LỜI NHẬN CHẤP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		172.735.463.039	184.334.390.435
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.643.653.468	12.258.993.699
1. Tiền	111		3.643.653.468	12.258.993.699
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.624.181.500	10.596.026.800
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	11.022.122.900	11.022.122.900
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.2	(397.941.400)	(1.426.096.100)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		130.997.450.637	138.443.425.322
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	75.393.882.614	82.633.576.135
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	1.658.525.316	3.448.454.599
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	69.158.730.068	67.725.081.949
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(15.213.687.361)	(15.363.687.361)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	20.350.050.190	16.302.670.831
1. Hàng tồn kho	141		20.350.050.190	16.302.670.831
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.120.127.244	6.733.273.783
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	135.109.329	256.506.690
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.703.245.237	6.464.736.047
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	281.772.678	12.031.046
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		47.958.191.044	50.549.034.393
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		25.710.000.000	25.710.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	25.710.000.000	25.710.000.000
II. Tài sản cố định	220		20.687.471.410	22.825.555.616
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	20.687.471.410	22.825.555.616
- Nguyên giá	222		89.003.516.962	89.045.516.962
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(68.316.045.552)	(66.219.961.346)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		1.025.754.049	1.025.754.049
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.025.754.049)	(1.025.754.049)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	-	-
1. Nguyên giá	231		252.156.600	252.156.600
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(252.156.600)	(252.156.600)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2	400.000.000	400.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(400.000.000)	(400.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.560.719.634	2.013.478.777
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	1.560.719.634	2.013.478.777
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		220.693.654.083	234.883.424.828

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		155.066.906.059	162.723.768.706
I. Nợ ngắn hạn	310		149.333.567.793	154.032.057.771
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	14.700.133.650	14.653.549.045
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	68.523.718.976	65.794.140.790
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.062.901.547	696.022.683
4. Phải trả người lao động	314		368.902.873	306.758.693
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	220.774.322	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	6.438.210.122	8.149.889.799
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	55.001.669.422	60.656.879.815
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.18	215.558.150	215.558.150
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		2.801.698.731	3.559.258.796
II. Nợ dài hạn	330		5.733.338.266	8.691.710.935
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	5.733.338.266	8.691.710.935
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		65.626.748.024	72.159.656.122
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	65.626.748.024	72.159.656.122
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		13.258.140.000	13.258.140.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.767.234.195	16.767.234.195
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(14.398.626.171)	(7.865.718.073)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(7.865.718.073)	(8.279.530.756)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(6.532.908.098)	413.812.683
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		220.693.654.083	234.883.424.828

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Thùy

Lê Thị Thùy

Kế toán trưởng

Quỳnh

Hoàng Trần Như Quỳnh

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2023	kết thúc ngày 30/6/2022
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	44.044.037.071	58.149.657.924
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		44.044.037.071	58.149.657.924
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	41.844.958.318	52.915.511.625
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.199.078.753	5.234.146.299
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	529.708.148	1.790.160.027
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.374.720.456	3.935.650.417
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.384.351.384	3.729.787.500
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	292.611.907	193.571.302
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	6.520.383.493	3.586.553.116
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(6.458.928.955)	(691.468.509)
11. Thu nhập khác	31	6.6	69.558.823	1.218.512.196
12. Chi phí khác	32	6.6	143.537.966	878.669.366
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	(73.979.143)	339.842.830
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(6.532.908.098)	(351.625.679)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(6.532.908.098)	(351.625.679)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(1.307)	(70)

Người lập biểu

Thùy

Lê Thị Thùy

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Kế toán trưởng

Quỳnh

Hoàng Trần Như Quỳnh

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

CHỈ TIÊU	MS TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023 VND	kết thúc ngày 30/6/2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(6.532.908.098)	(351.625.679)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	2.112.018.808	3.330.058.976
- Các khoản dự phòng	03	(1.178.154.700)	(4.983.924.432)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.046.395	(741.004)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(487.181.316)	(742.058.665)
- Chi phí lãi vay	06	3.384.351.384	3.729.787.500
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.700.827.527)	981.496.696
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.087.723.863	(13.715.081.363)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.047.379.359)	(13.140.889.726)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	1.714.280.480	5.407.092.895
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	574.156.504	(180.685.583)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	(6.322.500.000)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(3.384.351.384)	(3.729.787.500)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(731.494.667)	(530.861.898)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.487.892.090)	(31.231.216.479)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(49.700.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	49.537.037
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.000.000.000	5.500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	487.181.316	775.826.520
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.487.181.316	6.275.663.557
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	40.139.279.623	43.293.469.299
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(48.752.862.685)	(71.217.456.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(8.613.583.062)	(27.923.987.375)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(8.614.293.836)	(52.879.540.297)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.258.993.699	62.280.755.997
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.046.395)	741.004
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70 5.1	3.643.653.468	9.401.956.704

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III – PETROLIMEX

2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân

Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 03a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Lê Thị Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Trần Như Quỳnh

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Thanh

14/08/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex được thành lập theo Quyết định số 0721/1999/QĐ-BTM ngày 08/6/1999 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương) về việc chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành lập Công ty cổ phần.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0302536580 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/01/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 11/7/2022 về việc thay đổi thông tin trên thẻ căn cước công dân của người đại diện pháp luật Công ty.

Tên Công ty viết tắt: PENJICO.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302536580 thay đổi lần thứ 18 ngày 11/7/2022 là 50.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng chẵn*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Mã giao dịch: PEN.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2023 là 128 người (tại ngày 31/12/2022 là 130 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây lắp các công trình phục vụ ngành xăng dầu Xây lắp các đường dây và trạm biến điện đến 35KV Xây lắp dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, cầu đường, công trình công cộng và xử lý môi trường Xây dựng công trình bờ kè, bên cảng Xây lắp bồn chứa, đường ống, kho cảng chứa xăng dầu Xây lắp các công trình dầu khí Xây dựng các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, các bồn chứa dầu thực vật Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật: công trình cấp thoát nước, xử lý rác thải, chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh Xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn: công trình thủy lợi, công trình lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, chăn nuôi Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng Xây dựng nhà máy điện, trạm phát điện, lưới điện Thi công xây dựng thiết bị: các công trình hóa dầu, hóa chất; kho xăng, dầu, khí hóa lỏng công nghiệp và chung cư; cửa hàng xăng dầu; tuyến ống xăng dầu, khí hóa lỏng; công trình luyện kim, cơ khí chế tạo, công trình năng lượng, công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, công nghiệp vật liệu xây dựng, kho chứa vật tư; công trình tự động điều khiển; công trình chiếu sáng đô thị; hệ thống an toàn phòng chống cháy nổ; công trình xử lý chất thải, công trình cấp thoát nước; công trình nông nghiệp thủy lợi.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng cơ sở Cho thuê kho bãi, nhà xưởng Cho thuê văn phòng, nhà ở Quản lý tòa nhà.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn thiết bị phục vụ cho các công trình điện hạ thế và chiếu sáng công cộng Bán buôn thiết bị phục vụ cho hệ thống cấp nước sinh hoạt khu dân cư.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ bao gồm thi công xây lắp, và cung cấp vật tư, hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III – PETROLIMEX
2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2023, Công ty có Công ty liên kết như sau:

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
1	Công ty liên kết Công ty TNHH Xây lắp điện máy Thăng Long	227 Tô Hiến Thành, phường 13, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh và phân phối đồ điện gia dụng	44,44%	44,44%	44,44%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/6/2023 như sau:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh tại Cần Thơ- Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex	522 Cách mạng tháng tám, Phường Bùi Hữu Nghĩa, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex tại Tp. Đà Nẵng	81 Lê Văn Hiến, Phường Khuê Mỹ, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex tại thành phố Hà Nội	Số 3 phố Thành Công, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex	2286 Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân, Huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex - Xưởng cơ khí Bà Hom	356/5 Tỉnh Lộ 10, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Nhà máy gia công cơ khí Nhà Bè	Kho B – Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè, khu phố 7, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các **chính sách** kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tiền gửi ngân hàng: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của chính Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty mở tài khoản tại ngày 30/6/2023.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 30/6/2023.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 30/6/2023.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào công ty liên kết được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc, thiết bị	08 – 10
Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	05 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là bản quyền bằng sáng chế và phần mềm máy vi tính, được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính, trong vòng 05 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán theo cách phân loại tài sản của Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

IN
CÓ
T
KIẾ
T
A
31

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư là nhà do Công ty nắm giữ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, trong vòng 15 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty là bên góp vốn

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính.

Ghi nhận doanh thu - chi phí theo BCC

Theo Hợp đồng số 36/XL3-HĐ ngày 28/2/2022 về việc cùng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án “Trung tâm thương mại dịch vụ Logistics tại khu vực cảng hàng không quốc tế Long Thành, tỉnh Đồng Nai”, tại xã Phước Long, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, hoạt động kế toán, tài chính, hạch toán kinh doanh được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu, một bên tham gia góp vào BCC, do vậy, Công ty chỉ ghi nhận doanh thu tương ứng với lợi nhuận thuần thu được từ BCC theo tỷ lệ phần vốn góp mà Công ty thực góp vào BCC.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản lớn được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 36 tháng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí trả trước khác

Các chi phí trả trước khác có liên quan đến nhiều kỳ kế toán được phân bổ với thời gian không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Mua hàng hóa, dịch vụ chưa có hóa đơn: trích trước căn cứ vào báo giá, hợp đồng có liên quan.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm: dự phòng bảo hành công trình xây lắp mà Công ty là nhà thầu.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay từ Ngân hàng và các cá nhân.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê hoạt động, và doanh thu hợp đồng xây dựng.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Giám đốc cho rằng rủi ro và tỷ lệ sinh lời của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào các lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang thực hiện, do vậy, Công ty lập Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	270.293.275	300.154.481
Tiền gửi ngân hàng	3.373.360.193	11.958.839.218
Tổng	3.643.653.468	12.258.993.699

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)				
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu		11.022.122.900	11.278.900.200	(397.941.400)		11.022.122.900	9.950.266.500	(1.426.096.100)
<i>Trong đó chi yếu:</i>								
Các cổ phiếu được giao dịch trên sàn chứng khoán		10.681.840.000	11.278.900.200	(212.658.500)		10.681.840.000	9.795.266.500	(1.240.813.200)
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP (Mã giao dịch: DPM)	500	40.000.000	17.400.000	(22.600.000)	500	40.000.000	21.500.000	(18.500.000)
Tổng Công ty cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Mã giao dịch: PVD)	4.620	222.930.000	113.190.000	(109.740.000)	4.620	222.930.000	82.698.000	(140.232.000)
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (Mã giao dịch: REE)	2.341	86.000.000	152.633.200	-	2.036	86.000.000	145.574.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Mã giao dịch: STB)	905	20.548.000	26.969.000	-	905	20.548.000	20.362.500	(185.500)
Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu VIPCO (Mã giao dịch: VIP)	2.289	81.800.000	25.179.000	(56.621.000)	2.289	81.800.000	19.685.400	(62.114.600)
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Mã giao dịch: VNM)	5.037	88.650.000	357.627.000	-	5.037	88.650.000	383.315.700	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vítaco (Mã giao dịch: VTO)	5.241	52.412.000	46.644.900	(5.767.100)	5.241	52.412.000	38.259.300	(14.152.700)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Petrolimex (Mã giao dịch: PIT)	10.896	73.500.000	55.569.600	(17.930.400)	10.896	73.500.000	50.121.600	(23.378.400)
Ngân hàng TMCP Á Châu (Mã giao dịch: ACB)	474.375	10.016.000.000	10.483.687.500	-	412.500	10.016.000.000	9.033.750.000	(982.250.000)
Các cổ phiếu chưa niêm yết hoặc chưa được giao dịch trên sàn chứng khoán		340.282.900		(185.282.900)		340.282.900	155.000.000	(185.282.900)
Công ty Cổ phần Dầu Thực Vật Tường An	850	59.000.000	(i)	-	850	59.000.000	59.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Thái Bình Dương	3.000	96.000.000	(i)	-	3.000	96.000.000	96.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng 41	17.900	185.282.900	(i)	(185.282.900)	17.900	185.282.900	-	(185.282.900)
Tổng		11.022.122.900	11.278.900.200	(397.941.400)		11.022.122.900	9.950.266.500	(1.426.096.100)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
 2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân
 Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên kết

	30/06/2023 (VND)			01/01/2023 (VND)		
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên kết						
Công ty TNHH Xây lắp Điện máy Thăng Long	44,44%	44,44%	400.000.000 (i)	30,00%	30,00%	400.000.000 (i)
Tổng			400.000.000 (400.000.000)			400.000.000 (400.000.000)

(i) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty không niêm yết tại ngày 30/6/2023 do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này.

12/11/2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty Cổ phần Thực Phẩm Relifood	13.382.151.049	18.382.151.049
Công ty TNHH TTCL Việt Nam	17.835.602.376	17.835.602.376
Phải thu các đối tượng khác (i)	44.176.129.189	46.415.822.710
Tổng	75.393.882.614	82.633.576.135
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>205.330.363</i>	<i>726.446.672</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>		

- (i) Trong đó, khoản phải thu Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam với số dư tại ngày 30/6/2023 là 6.784.886.169 VND (tại ngày 01/01/2023: 6.784.886.169 VND) liên quan đến vụ kiện mà Công ty là Bên Nguyên đơn, chi tiết tại Thuyết minh 7.1.

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty TNHH Bảo Thạch Sài Gòn	-	944.771.040
Tank Works Ltd	553.440.350	553.440.350
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại Thái Khương	280.720.000	-
Các đối tượng khác	824.364.966	1.950.243.209
Tổng	1.658.525.316	3.448.454.599

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	69.158.730.068	-	67.725.081.949	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.743.294.003	-	2.157.029.965	-
Ký cược, ký quỹ (i)	64.460.344.326	-	64.670.168.504	-
Phải thu khác	1.955.091.739	-	897.883.480	-
Dài hạn	25.710.000.000	-	25.710.000.000	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu (ii)	25.700.000.000	-	25.700.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
Tổng	94.868.730.068	-	93.435.081.949	-

Trong đó

<i>Phải thu dài hạn khác là các bên liên quan</i>	<i>25.700.000.000</i>	-	<i>25.700.000.000</i>	-
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)</i>				

- (i) Trong đó, khoản ký quỹ để thực hiện Hợp đồng với Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam với số dư tại ngày 30/6/2023 là 64.303.000.000 VND (tại ngày 01/01/2023: 64.303.000.000 VND) liên quan đến vụ kiện mà Công ty là Bên Nguyên đơn, chi tiết tại Thuyết minh 7.1.
- (ii) Đây là khoản phải thu về góp vốn đầu tư dài hạn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 36/XL3-HĐ ngày 28/02/2022 giữa Công ty với Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu về việc đầu tư dự án “Trung tâm thương mại dịch vụ Logistics tại khu vực Cảng hàng không quốc tế Long Thành, Đồng Nai”

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
 2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân
 Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.6 Nợ xấu

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
Các khoản phải thu khách hàng	15.151.922.082	680.747.464	(14.471.174.618)	15.301.922.082
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Cái Lân	2.460.007.505	-	(2.460.007.505)	2.460.007.505
Công ty Cổ phần Dầu khí Vũng Tàu	3.090.292.841	-	(3.090.292.841)	3.090.292.841
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	6.784.886.169	-	(6.784.886.169)	6.784.886.169
Các đối tượng khác	2.816.735.567	680.747.464	(2.135.988.103)	2.966.735.567
Phải thu khác	742.512.743	-	(742.512.743)	742.512.743
Các đối tượng khác	742.512.743	-	(742.512.743)	742.512.743
Tổng	15.894.434.825	680.747.464	(15.213.687.361)	16.044.434.825
				680.747.464
				(15.363.687.361)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.7 Hàng tồn kho

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.586.390.544	-	5.687.788.640	-
Công cụ, dụng cụ	381.570.454	-	416.429.390	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	13.638.984.874	-	9.453.888.876	-
Thành phẩm	329.974.333	-	329.974.333	-
Hàng hóa	413.129.985	-	414.589.592	-
Tổng	20.350.050.190	-	16.302.670.831	-

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công trình gia công, lắp đặt kết cấu thép Nhà máy Relifoods Cần Thơ	5.337.090.767	-	995.090.519	-
Công trình gia công bồn áp lực cho Công ty AGUA VERDE	1.934.648.036	-	-	-
Các công trình, dự án khác	6.367.246.071	-	8.458.798.357	-
Tổng	13.638.984.874	-	9.453.888.876	-

5.8 Chi phí trả trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	135.109.329	256.506.690
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	135.109.329	256.506.690
Dài hạn	1.560.719.634	2.013.478.777
Chi phí sửa chữa tài sản	819.949.976	1.198.988.716
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	740.769.658	691.035.515
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	123.454.546
Tổng	1.695.828.963	2.269.985.467



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
2286, Huyện Tân Phát, ấp 3, xã Phú Xuân
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị tính: VND
Số dư tại ngày 01/01/2023	29.519.638.572	46.476.868.818	12.299.781.347	749.228.225	89.045.516.962	
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	
Giảm trong kỳ	-	-	(42.000.000)	-	(42.000.000)	
Ghi giảm tài sản do không hiện hữu	-	-	(42.000.000)	-	(42.000.000)	
Số dư tại ngày 30/6/2023	29.519.638.572	46.476.868.818	12.257.781.347	749.228.225	89.003.516.962	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2023	13.376.559.194	42.797.196.136	9.298.921.111	747.284.905	66.219.961.346	
Tăng trong kỳ	762.042.385	1.039.028.057	335.070.444	1.943.320	2.138.084.206	
Khấu hao trong kỳ	762.042.385	1.039.028.057	335.070.444	1.943.320	2.138.084.206	
Giảm trong kỳ	-	-	(42.000.000)	-	(42.000.000)	
Ghi giảm tài sản do không hiện hữu	-	-	(42.000.000)	-	(42.000.000)	
Số dư tại ngày 30/6/2023	14.138.601.579	43.836.224.193	9.591.991.555	749.228.225	68.316.045.552	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	16.143.079.378	3.679.672.682	3.000.860.236	1.943.320	22.825.555.616	
Tại ngày 30/6/2023	15.381.036.993	2.640.644.625	2.665.789.792	-	20.687.471.410	

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/6/2023 là 2.517.852.757 VND (tại ngày 01/01/2023: 4.185.885.642 VND).
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 43.092.599.366 VND (tại ngày 01/01/2023: 34.032.455.282 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.10 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Bảng phát minh sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2023	504.134.000	-	521.620.049	1.025.754.049
Tăng trong kỳ	-	521.620.049	-	521.620.049
Phân loại lại		521.620.049		521.620.049
Tăng khác				-
Giảm trong kỳ	-	-	(521.620.049)	(521.620.049)
Phân loại lại			(521.620.049)	(521.620.049)
Số dư tại ngày 30/6/2023	<u>504.134.000</u>	<u>521.620.049</u>	<u>-</u>	<u>1.025.754.049</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2023	504.134.000	-	521.620.049	1.025.754.049
Tăng trong kỳ	-	521.620.049	-	521.620.049
Phân loại lại		521.620.049		521.620.049
Giảm trong kỳ	-	-	(521.620.049)	(521.620.049)
Phân loại lại			(521.620.049)	(521.620.049)
Số dư tại ngày 30/6/2023	<u>504.134.000</u>	<u>521.620.049</u>	<u>-</u>	<u>1.025.754.049</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2023	-	-	-	-
Tại ngày 30/6/2023	-	-	-	-

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2023 là 1.025.754.049 VND (tại ngày 01/01/2023: 1.025.754.049 VND).

5.11 Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá	252.156.600	-	-	252.156.600
- Nhà	252.156.600	-	-	252.156.600
Giá trị hao mòn lũy kế	252.156.600	-	-	252.156.600
- Nhà	252.156.600	-	-	252.156.600
Giá trị còn lại	-	-	-	-
- Nhà	-	-	-	-

Bất động sản đầu tư của Công ty là công trình nhà tại phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ được Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ được trình bày tại Thuyết minh số 6.1 và 6.2 với số tiền lần lượt là 87.272.726 VND và 733.527 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2023 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nêu trên tại ngày lập Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

912
Y
H
DÂN
TINA
101

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	30/6/2023 (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ủy ban nhân dân Quận 4 - thành phố Hồ Chí Minh	1.128.889.749	1.128.889.749	1.128.889.749	1.128.889.749
Công ty TNHH Thiết bị CNC	3.897.998.925	3.897.998.925	4.697.998.925	4.697.998.925
Công ty TNHH MTV 165	2.710.147.706	2.710.147.706	2.710.147.706	2.710.147.706
Phải trả cho các đối tượng khác	6.963.097.270	6.963.097.270	6.116.512.665	6.116.512.665
Tổng	14.700.133.650	14.700.133.650	14.653.549.045	14.653.549.045

5.13 Người mua trả tiền trước

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Miền Nam (i)	64.500.000.000	64.500.000.000
Các đối tượng khác	4.023.718.976	1.294.140.790
Tổng	68.523.718.976	65.794.140.790

(i) Khoản người mua trả tiền trước liên quan đến vụ kiện mà Công ty là Bên Nguyên đơn, chi tiết tại Thuyết minh số 7.1.

5.14 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2023
Phải nộp	696.022.683	1.022.137.536	655.258.672	1.062.901.547
Thuế giá trị gia tăng	518.433.725	1.089.093.515	574.660.342	1.032.866.898
Thuế thu nhập cá nhân	26.627.087	58.543.681	55.136.119	30.034.649
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	150.961.871	(135.499.660)	15.462.211	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.000.000	10.000.000	-
Phải thu	12.031.046	(269.741.632)	-	281.772.678
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	6.803.592	-	-	6.803.592
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	5.227.454	-	-	5.227.454
Thuế nhà đất, tiền thuê đất nộp thừa	-	(269.741.632)	-	269.741.632

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Trích trước chi phí mua hàng hóa dịch vụ chưa có hóa đơn	220.774.322	-
Tổng	220.774.322	-

5.16 Phải trả ngắn hạn khác

	<u>30/6/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.185.266.921	1.513.839.515
Bảo hiểm xã hội	20.151.731	2.382.133
Bảo hiểm y tế	3.552.489	-
Bảo hiểm thất nghiệp	1.564.902	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	967.144.000	804.915.000
Cổ tức phải trả	7.267.500	7.267.500
Phải trả, phải nộp khác	4.253.262.579	5.821.485.651
Tổng	6.438.210.122	8.149.889.799

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
 2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân
 Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2023 (VND)		Biến động trong kỳ (VND)		01/01/2023 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
<i>Vay ngắn hạn trong kỳ</i>						
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (i)	55.001.669.422	55.001.669.422	35.924.734.980	41.579.945.373	60.656.879.815	60.656.879.815
Các khoản vay cá nhân (ii)	54.576.669.422	54.576.669.422	35.874.734.980	40.329.945.373	59.031.879.815	59.031.879.815
b) Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn (iii)	425.000.000	425.000.000	50.000.000	1.250.000.000	1.625.000.000	1.625.000.000
Các khoản vay cá nhân (ii)	5.733.338.266	5.733.338.266	4.214.544.643	7.172.917.312	8.691.710.935	8.691.710.935
Tổng	2.344.058.776	2.344.058.776	-	568.977.000	2.913.035.776	2.913.035.776
	3.389.279.490	3.389.279.490	4.214.544.643	6.603.940.312	5.778.675.159	5.778.675.159
	60.735.007.688	60.735.007.688	40.139.279.623	48.752.862.685	69.348.590.750	69.348.590.750

Trong đó:

Vay các bên liên quan

(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)

	1.269.624.147	1.269.624.147	2.512.199.264	2.334.085.356	1.091.510.239	1.091.510.239
--	---------------	---------------	---------------	---------------	---------------	---------------

(i) Hợp đồng vay số 441.0106/2022/HĐTDHM-DN/PGBankSG ngày 28/7/2022 với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn, các thông tin chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 140.000.000.000 VND, trong đó hạn mức vay vốn tối đa: 90.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh;
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng: 12 tháng;
- Thời hạn của từng khoản vay: không quá 9 tháng;
- Lãi suất cho vay: thỏa thuận theo từng kế ước nhận nợ;
- Tài sản đảm bảo: thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bởi Ông Trần Ngọc Hải; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên bởi Công ty Cổ phần Xây lập III - Petrolimex.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP III - PETROLIMEX
2286, Huỳnh Tấn Phát, ấp 3, xã Phú Xuân
Huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.17 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (ii) Các khoản vay cá nhân là cán bộ công nhân viên trong Công ty với lãi suất 11%/năm.
- (iii) Hợp đồng vay số 441.0070/2016/HĐTĐ-DN/PGB.SG ngày 29/9/2016 với Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Sài Gòn, các thông tin chi tiết như sau:
 - Mục đích vay: đầu tư máy móc thiết bị dụng cụ thi công;
 - Thời hạn vay: 72 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên;
 - Lãi suất cho vay: 8%/năm;
 - Tài sản đảm bảo: thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay là máy móc thiết bị, dụng cụ thi công thuộc sở hữu của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.18 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	215.558.150	215.558.150
Tổng	215.558.150	215.558.150

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2022	50.000.000.000	13.258.140.000	16.767.234.195	(8.279.530.756)	71.745.843.439
Lãi trong năm trước	-	-	-	413.812.683	413.812.683
Số dư tại ngày 31/12/2022	50.000.000.000	13.258.140.000	16.767.234.195	(7.865.718.073)	72.159.656.122
Số dư tại ngày 01/01/2023	50.000.000.000	13.258.140.000	16.767.234.195	(7.865.718.073)	72.159.656.122
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(6.532.908.098)	(6.532.908.098)
Số dư tại ngày 30/6/2023	50.000.000.000	13.258.140.000	16.767.234.195	(14.398.626.171)	65.626.748.024

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 30/6/2023			Tại ngày 01/01/2023		
	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (VND)
Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Xây lắp và Thương mại Petrolimex	1.500.000	30,00%	15.000.000.000	1.500.000	30,00%	15.000.000.000
Các cổ đông khác	3.500.000	70,00%	35.000.000.000	3.500.000	70,00%	35.000.000.000
Tổng	5.000.000	100,00%	50.000.000.000	5.000.000	100,00%	50.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp tại cuối kỳ	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức đã chia	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	30/6/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	16.767.234.195	16.767.234.195

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ

a. Ngoại tệ các loại

	30/6/2023		01/01/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đồng Đô La Mỹ (USD)	579,46	13.576.748	18.887,62	442.064.746

b. Tài sản thuê hoạt động

Tại ngày 30/6/2023, Công ty thuê hoạt động một số lô đất để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các lô đất này có nguồn gốc từ Nhà nước cho thuê đất theo các Quyết định Giao đất của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố nơi đặt lô đất và Hợp đồng thuê đất có liên quan. Thông tin chi tiết các lô đất Công ty thuê hoạt động như sau:

- Lô đất đặt tại 356/6 Tinh lộ 10, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 14.147,9 m², trong đó đối với diện tích 8.699 m² thuộc thửa 37, tờ bản đồ số 120, bộ địa chính phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh: cho thuê 50 năm kể từ ngày 01/01/2011; đối với diện tích 5.448,9 thuộc quy hoạch công viên cây xanh và đất thuộc vi phạm lộ giới hẻm dự phóng 12m (phía Nam khu đất) tạm thời cho thuê cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, phải chấp hành giải tỏa di dời theo quy định. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm.
- Lô đất đặt tại số 20/9 Lê Hồng Phong, phường Bình Thủy, thành phố Cần Thơ với diện tích là 221,4 m². Thời hạn thuê: 20 năm kể từ ngày 04/6/2003 đến ngày 04/6/2023. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Công ty đang thực hiện thủ tục gia hạn thuê đất tại lô đất này theo quy định hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

5.20 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (Tiếp theo)

- Lô đất đặt tại số 81 Lê Văn Hiến, phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng với diện tích là 1.300 m2. Thời hạn thuê: kể từ ngày 31/12/2022 đến ngày 30/12/2027. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm.
- Lô đất đặt tại 16/8 Huỳnh Tấn Phát, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích là 2.460,2 m2. Thời hạn thuê: 50 năm kể từ ngày Công ty đăng ký kinh doanh. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm.
- Lô đất đặt tại thửa 85 tờ số 6 địa chính xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè với diện tích là 5.119,7 m2. Trong đó, đối với diện tích 3.671,2 m2 được áp dụng thời hạn thuê đến hết ngày 01/01/2046; đối với 1.448,5 m2 phạm lộ giới tạm thời cho thuê cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, phải chấp hành giải tỏa di dời theo quy định. Hình thức thuê đất: thuê đất trả tiền hàng năm.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng	11.727.063.399	15.667.267.082
Doanh thu cung cấp dịch vụ (i)	4.365.131.246	4.299.654.567
Doanh thu hoạt động xây lắp	27.951.842.426	38.182.736.275
Tổng	44.044.037.071	58.149.657.924

Trong đó:

Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.4)	440.101.534	3.986.986.009
---	--------------------	----------------------

(i) Trong đó, doanh thu liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 87.272.726 VND.

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.100.285.171	12.300.311.420
Giá vốn cung cấp dịch vụ (i)	3.191.264.140	4.350.624.549
Giá vốn của hoạt động xây lắp	27.553.409.007	36.264.575.656
Tổng	41.844.958.318	52.915.511.625

(i) Trong đó, giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ là 733.527 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	54.953.916	761.166.420
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	-	1.011.636.920
Cổ tức, lợi nhuận được chia	432.227.400	14.660.100
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	42.526.832	2.696.587
Tổng	529.708.148	1.790.160.027

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí lãi vay	3.384.351.384	3.729.787.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	14.436.398	7.061.155
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và đầu tư và đơn vị khác	(1.028.154.700)	173.044.700
Chi phí tài chính khác	4.087.374	25.757.062
Tổng	2.374.720.456	3.935.650.417

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí bán hàng	292.611.907	193.571.302
Chi phí nhân viên	10.000.000	8.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	16.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	132.110.000	-
Chi phí bằng tiền khác	150.501.907	169.571.302
Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.520.383.493	3.586.553.116
Chi phí nhân viên quản lý	5.118.853.556	4.796.310.649
Chi phí vật liệu quản lý	217.941.778	134.015.157
Chi phí đồ dùng văn phòng	99.539.844	100.913.539
Chi phí khấu hao TSCĐ	275.973.627	328.943.434
Thuế phí và lệ phí	(1.396.642.008)	650.098.009
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(150.000.000)	(5.156.969.132)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.074.273.330	2.049.912.917
Chi phí bằng tiền khác	1.280.443.366	683.328.543
Tổng	6.812.995.400	3.780.124.418

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.6 Thu nhập khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	15.769.182
Thu tiền bán thanh lý phế liệu, vật tư	-	46.232.182
Thu nhập từ nhập kho vật tư thừa sau kiểm kê	58.384.500	-
Các khoản khác	11.174.323	1.156.510.832
Tổng	69.558.823	1.218.512.196
Chi phí khác		
Tiền phạt vi phạm hành chính	92.431.675	-
Chi phí khác	51.106.291	878.669.366
Tổng	143.537.966	878.669.366
Lợi nhuận khác	(73.979.143)	339.842.830

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.532.908.098)	(351.625.679)
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>92.431.675</i>	<i>-</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>92.431.675</i>	<i>-</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>(432.227.400)</i>	<i>(14.660.100)</i>
<i>Cổ tức</i>	<i>(432.227.400)</i>	<i>(14.660.100)</i>
Thu nhập chịu thuế	(6.872.703.823)	(366.285.779)
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	(6.872.703.823)	(366.285.779)
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Tổng	-	-

6.8 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.724.459.753	33.108.087.601
Chi phí nhân công	6.164.282.569	15.009.655.175
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.112.018.808	3.354.961.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.916.556.245	4.434.507.830
Chi phí khác bằng tiền	1.867.476.961	1.999.707.049
Tổng	27.784.794.336	57.906.919.529

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(6.532.908.098)	(351.625.679)
Các khoản điều chỉnh		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	(6.532.908.098)	(351.625.679)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.307)	(70)

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các vụ kiện

a. Vụ kiện Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam

Năm 2020, Công ty khởi kiện Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam (“Bên Bị đơn”) tại Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè – thành phố Hồ Chí Minh do tranh chấp Hợp đồng xây dựng. Theo đó, Công ty yêu cầu Bên Bị đơn thanh toán phần hạng mục Công ty đã hoàn thành đối với gói thầu “Cung cấp thiết bị và thi công xây lắp công trình” thuộc dự án Kho xăng dầu hàng không Miền Nam tại xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh. Vụ kiện đã được xét xử qua các cấp sơ thẩm, phúc thẩm với quyết định của Tòa án nhân dân các cấp tuyên buộc Bên Bị đơn có nghĩa vụ thanh toán lại cho Công ty số tiền tương ứng với giá trị hạng mục Công ty đã hoàn thành là 6.784.886.169 VND cùng tiền lãi chậm trả phát sinh.

Ngày 02/6/2021, Bên Bị đơn đã có đơn đề nghị giám đốc thẩm đối với Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân các cấp, Tòa án nhân dân cấp cao thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm để xét xử lại.

Tại ngày Báo cáo tổng hợp giữa niên độ, Công ty chưa nhận được phán quyết cuối cùng của Tòa án. Do vậy, Công ty chưa ghi nhận bất kỳ ảnh hưởng nào (có thể có) từ việc giám đốc thẩm vụ án tranh chấp hợp đồng xây dựng với Công ty Cổ phần Kho cảng Xăng dầu Hàng không Miền Nam.

b. Tranh chấp tiền thuê nhà với Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà thành phố Hồ Chí Minh

Năm 2022, Công ty TNHH MTV Quản lý kinh doanh nhà thành phố Hồ Chí Minh (“Bên Nguyên đơn”) khởi kiện Công ty tại Tòa án nhân dân Quận 4 – thành phố Hồ Chí Minh do tranh chấp tiền thuê tại địa điểm kinh doanh trước đây Công ty tại đường Nguyễn Tất Thành, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ năm 2003 đến năm 2015. Cụ thể, Bên Nguyên đơn cho rằng Công ty chưa thanh toán tiền thuê đầy đủ theo các thông báo tiền thuê và thay đổi tiền thuê nhà. Vụ kiện đã được xét xử qua các cấp sơ thẩm, phúc thẩm với quyết định của Tòa án nhân dân các cấp tuyên buộc Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền là 2.144.317.105 VND, trong đó bao gồm tiền chênh lệch giữa tiền thuê cũ và tiền thuê mới tổng giá trị là 2.120.032.137 VND; tiền phạt chậm trả là 24.284.968 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các vụ kiện (Tiếp theo)**

Ngày 28/02/2023, Công ty đã gửi đơn đề nghị giám đốc thẩm đến Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, thủ tục giám đốc thẩm vụ án tranh chấp tiền thuê nhà nêu trên đang được thụ lý bởi Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời, Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến vụ kiện do Công ty đã gửi đề nghị giám đốc thẩm và đang được thụ lý.

7.2 Nợ tiềm tàng

Công ty chưa thực hiện được Hợp đồng thuê 14.147m² đất thuộc thửa 725, tờ bản đồ số 8, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh (trụ sở Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây lắp III – Petrolimex - Xưởng cơ khí Bà Hom) với Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty đang tạm nộp tiền thuê đất của thửa đất nêu trên theo đơn giá và thông báo từ năm 2010. Ngày 23/11/2022, Công ty đã gửi Công văn đến Sở Tài nguyên môi trường thành phố Hồ Chí Minh đề nghị được hướng dẫn việc xác định giá thuê đất để làm căn cứ ký hợp đồng thuê đất. Tuy nhiên, đến ngày phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Công ty vẫn chưa nhận được phản hồi của các cơ quan hữu quan. Số tiền thuê đất có thể bị thay đổi khi có quyết định chính thức từ các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

7.3 Các cam kết**Cam kết góp vốn cho Hợp đồng hợp tác kinh doanh dài hạn**

Căn cứ trên Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 về việc phê duyệt giao dịch với Bên liên quan là Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu, Công ty đã ký kết Hợp đồng số 36/XL3-HĐ ngày 28/2/2022 về việc cùng hợp tác đầu tư xây dựng và kinh doanh dự án “Trung tâm thương mại dịch vụ Logistics tại khu vực cảng hàng không quốc tế Long Thành, tỉnh Đồng Nai”, tại xã Phước Long, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Trong đó, Công ty cam kết góp vốn với tỷ lệ 50% trên tổng vốn đối ứng giai đoạn 1 của Dự án là 25.000.000.000 VND. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng hợp tác kinh doanh là 02 năm kể từ ngày ký Hợp đồng này. Lợi nhuận của dự án được phân chia theo tỷ lệ góp vốn của các bên tham gia. Ngày 16/12/2022, Công ty nhận được Văn bản số 50/SC ngày 16/12/2022 về việc chuyển tiền phát sinh Hợp đồng số 36/XL3-HĐ. Tại ngày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, Hội đồng quản trị Công ty chưa ban hành Quyết định phê duyệt việc đầu tư bổ sung này.

Tình hình góp vốn theo cam kết ghi trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh dài hạn và các văn bản có liên quan như sau:

	30/6/2023	01/01/2023
	VND	VND
Số cam kết góp vốn	25.700.000.000	25.700.000.000
Số đã thực góp	25.700.000.000	25.700.000.000
Số còn phải góp	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.4 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan chủ yếu mà Công ty có giao dịch trong kỳ:

Stt	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Trứng vàng	Có chung người quản lý chủ chốt
2	Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu	Có chung người quản lý chủ chốt
3	Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Có chung người quản lý chủ chốt
4	Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và người quản lý khác

Thu nhập của từng thành viên Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023 VND	kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch	214.800.000	76.228.571
Ông Nguyễn Sum	Thành viên	30.500.000	169.658.626
Ông Nguyễn Huy Nhân	Thành viên	131.025.295	124.342.680
Ông Nguyễn Hồng Kỳ	Thành viên	27.000.000	22.968.000
Ông Đào Quốc Hưng	Thành viên	27.000.000	8.932.000
Tổng		430.325.295	402.129.877

Thu nhập của từng thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023 VND	kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng ban	108.000.000	90.609.091
Ông Vũ Cường	Thành viên	18.900.000	6.252.400
Ông Ngô Hồng Phi	Thành viên	18.900.000	6.252.400
Tổng		145.800.000	103.113.891

Thu nhập của Ban Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		kết thúc ngày 30/6/2023 VND	kết thúc ngày 30/6/2022 VND
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Giám đốc	195.533.038	54.728.657
Ông Dương Minh Trí	Phó Giám đốc	147.596.470	124.173.859
Bà Hoàng Trần Như Quỳnh	Kế toán trưởng	114.361.824	144.426.154
Tổng		457.491.332	323.328.670

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.4 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày 30/6/2023 VND	kết thúc ngày 30/6/2022 VND
<u>Bán hàng</u>			440.101.534	3.986.986.009
Công ty Cổ phần Công nghệ Trứng vàng	Có chung người quản lý chủ chốt	Cung cấp vật tư gia công	92.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Có chung người quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	348.101.534	3.986.986.009
<u>Giao dịch khác</u>			-	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu	Có chung người quản lý chủ chốt	Góp vốn để thực hiện dự án hợp tác kinh doanh	-	25.000.000.000

c. Số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2023	01/01/2023
			VND	VND
<u>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</u>			205.330.363	726.446.672
Công ty Cổ phần Công nghệ Trứng vàng	Có chung người quản lý chủ chốt		56.210.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật PET-NOR LNG	Có chung người quản lý chủ chốt		149.120.363	726.446.672
<u>Phải thu khác dài hạn</u>			25.700.000.000	25.700.000.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Sông Châu	Có chung người quản lý chủ chốt	Phải thu khoản đầu tư hợp tác kinh doanh	25.700.000.000	25.700.000.000
<u>Vay và nợ thuê tài chính</u>			1.269.624.147	1.091.510.239
Ông Cung Quang Hà	Chủ tịch HĐQT	Nợ gốc vay phải trả	228.091.541	233.370.206
Bà Lê Thị Hồng Mai	Trưởng ban kiểm soát	Nợ gốc vay phải trả	330.422.479	302.256.834
Ông Nguyễn Ngọc Thanh	Giám đốc	Nợ gốc vay phải trả	711.110.127	555.883.199

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.5 Báo cáo bộ phận

Ban Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc đưa ra những quyết định quản lý của Công ty dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Mặt khác, rủi ro và tỷ suất sinh lời của các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty có sự khác biệt đáng kể và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty trong kỳ. Do vậy, Công ty lập Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh gồm: bán hàng hóa (vật liệu xây dựng, thiết bị, gas, hàng hóa khác); cung cấp dịch vụ; và hoạt động xây lắp. Mặt khác, tài sản và nợ phải trả của từng bộ phận không được Công ty trình bày do được dùng chung cho tất cả lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang thực hiện. Báo cáo bộ phận thứ yếu được lập theo các thị trường mà Công ty đang cung cấp dịch vụ bao gồm: Việt Nam, Myanmar, Campuchia.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 (VND)

	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	11.727.063.399	4.365.131.246	27.951.842.426	44.044.037.071
Giá vốn hàng bán	11.100.285.171	3.191.264.140	27.553.409.007	41.844.958.318
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	626.778.228	1.173.867.106	398.433.419	2.199.078.753

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 (VND)

	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Xây lắp	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	15.667.267.082	4.299.654.567	38.182.736.275	58.149.657.924
Giá vốn hàng bán	12.300.311.420	4.350.624.549	36.264.575.656	52.915.511.625
Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.366.955.662	(50.969.982)	1.918.160.619	5.234.146.299

Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023 (VND)

	Việt Nam	Myanmar	Campuchia	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	43.858.863.421	-	185.173.650	44.044.037.071

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2022 (VND)

	Việt Nam	Myanmar	Campuchia	Tổng cộng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	56.868.732.656	719.283.141	561.642.127	58.149.657.924

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2023

7.6 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn và Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Lê Thị Thủy

Kế toán trưởng

Hoàng Trần Như Quỳnh

Giám đốc



Nguyễn Ngọc Thanh



Số: 08/2023/UQ-CPA VIETNAM

Ngày 06 tháng 01 năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN*(Về việc ký các Văn bản, Hợp đồng và Báo cáo chuyên ngành)*

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2021;
- Căn cứ Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM và các sửa đổi, bổ sung đến thời điểm hiện tại;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Tôi tên là **Nguyễn Phú Hà - Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc**, số Căn cước Công dân: 026072001408 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 22/11/2021, là Người đại diện theo pháp luật của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM**, địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội, Việt Nam. Bằng Văn bản này ủy quyền cho: **Bà Nguyễn Thị Mai Hoa - Phó Tổng Giám đốc**, số Căn cước Công dân: 001183016184, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 24/7/2021 thực hiện các công việc cụ thể như sau:

- Ký các Văn bản, Hồ sơ chào hàng, chào phí, Hồ sơ quan tâm, Hồ sơ làm rõ Hồ sơ quan tâm hoặc các dịch vụ chuyên ngành tài chính do Công ty thực hiện;
- Ký kết Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính, Thẩm định giá, Thanh lý Hợp đồng, Hóa đơn giá trị gia tăng của các dịch vụ thuộc phạm vi được phép kinh doanh của Công ty có giá trị từ 300 triệu đồng trở xuống;
- Ký các Báo cáo kiểm toán, Báo cáo kết quả công tác soát xét, Báo cáo thẩm định giá, Chứng thư thẩm định giá, Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp, Báo cáo tư vấn do Công ty thực hiện;
- Bà Nguyễn Thị Mai Hoa được sử dụng Con dấu của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM để thực hiện công việc trong phạm vi ủy quyền.

Người được Ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của **Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM** và không được ủy quyền lại cho bên thứ 3. **Bà Nguyễn Thị Mai Hoa** chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Công ty và Pháp luật về những công việc do mình thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy Ủy quyền có hiệu lực từ ngày 06 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, thay thế Giấy Ủy quyền đã ban hành trước đây. Giấy Ủy quyền này được lập thành 03 bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 01 bản lưu tại bộ phận Văn thư lưu trữ của Công ty.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC**Nguyễn Phú Hà****NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**Nguyễn Thị Mai Hoa**